

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/DS-ST

Ngày: 25/3/2026

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhận

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc **“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY;

Địa chỉ: số A, đường N, phường B, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOLKWATPAISAL NAPAT – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kha M – Nhân viên.

Bị đơn: Anh Huỳnh Phát Đ, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2025 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 anh Huỳnh Phát Đ và Công ty Cổ phần S1 (gọi tắt là Công ty) có ký Hợp đồng cầm cố xe máy số B7M240601004NA19X. Theo đó anh

Đ cầm cố tài sản cho Công ty một xe mô tô hai bánh, loại xe Honda Vario 125, Màu xanh đen biển kiểm soát: 94B1-436.72, số khung: MH1JM5115KK369967; Số máy: JM51E1369476; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 043025 do Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh C) cấp ngày 06/11/2020. Số tiền cầm cố: 11.861.702 đồng, Thời hạn cầm cố: 12 tháng; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; Ngày giải ngân: 17 tháng 06 năm 2024; Ngày thanh toán định kỳ: 17. Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng; phí phạt vi phạm: không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 17/06/2024 anh Huỳnh Phát Đ đã có đơn gửi Công ty X thuê lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung giấy thuê xe. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty từ ngày 17/02/2025, mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở. Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và hợp đồng giấy thuê xe anh Đ đã thanh toán được: 10.516.000 đ; trong đó tiền gốc: 6.654.409đ; tiền lãi: 698.755 đ; tiền phí: 3.162.836đ.

Nay Công ty Cổ phần S1 có ngay yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố giữa Công ty và anh Huỳnh Phát Đ. Công ty chỉ yêu cầu anh Đ trả cho Công ty số tiền nợ gốc 5.207.293đ đồng và tiền lãi trong hạn đến ngày 03 tháng 3 năm 2026 là 723.640 đồng. Sau khi anh Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty sẽ trả lại cho anh Đ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Công ty xin được rút lại các yêu cầu khởi kiện còn lại số tiền quản lý hồ sơ 328.927đ; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 416.583đ; phí bảo dưỡng và hao mòn khi thuê xe: 8.092.053đ; chi phí tố tụng: 1.435.191đ.

Bị đơn anh Huỳnh Phát Đ từ khi Tòa án thụ lý đến khi mở phiên tòa xét xử, anh Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa chấp hành khoản 16, 17 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 5.930.933đ (trong đó gốc là 5.207.293đ và lãi là 723.640đ). Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay về việc yêu cầu anh Đ thanh toán số tiền quản lý hồ sơ 328.927đ; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 416.583đ; phí bảo dưỡng và hao mòn khi thuê xe: 8.092.053đ; chi phí tố tụng: 1.435.191đ. Về án phí các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty Cổ phần S1 có ngay yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản với bị đơn anh Huỳnh Phát Đ, bị đơn có địa chỉ tại xã Đ, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy, Ngày 17 tháng 6 năm 2024 anh Huỳnh Phát Đ và Công ty Cổ phần S1 (gọi tắt là Công ty) có ký Hợp đồng cầm cố xe máy số B7M240601004NA19X. Theo đó anh Đ cầm cố tài sản cho Công ty một xe mô tô hai bánh, loại xe Honda Vario 125, Màu xanh đen biển kiểm soát: 94B1-436.72, số khung: MH1JM5115KK369967; Số máy: JM51E1369476; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 043025 do Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh C) cấp ngày 06/11/2020. Số tiền cầm cố: 11.861.702 đồng, Thời hạn cầm cố: 12 tháng; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; Ngày giải ngân: 17 tháng 06 năm 2024; Ngày thanh toán định kỳ: 17. Lãi suất cầm cố: 1.1%/ tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí quản lý hồ sơ: 0.5% /tháng; phí phạt vi phạm: không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng. Sau khi cầm cố thì do nhu cầu sử dụng xe cá nhân nên Công ty S2 cho anh Huỳnh Phát Đ mượn lại chiếc xe nêu trên. Do anh Đ vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên nay Công ty S2 yêu cầu anh Đ trả số tiền nêu trên.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Đ; anh Đ biết về nội dung khởi kiện của Công ty, nhưng anh Đ không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, mặc dù Tòa án đã thông báo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng vẫn không nhận được ý kiến của anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Huỳnh Phát Đ còn nợ Công ty số tiền 5.930.933đ là có xảy ra trên thực tế.

[4] Công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền quản lý hồ sơ 328.927đ; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 416.583đ; phí bảo dưỡng và hao mòn khi thuê xe: 8.092.053đ; chi phí tố tụng: 1.435.191đ, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Huỳnh Phát Đ phải nộp số tiền án phí đối với yêu cầu Công ty được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 309, 311, 313 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đối với anh Huỳnh Phát Đ.

2. Chấm dứt Hợp đồng cầm cố số B7M240601004NA19X được ký kết ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần S1 Có Ngay với anh Huỳnh Phát Đ.

3. Buộc anh Huỳnh Phát Đ có nghĩa vụ thanh toán Công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền tiền 5.930.933đ (trong đó gốc là 5.207.293đ và lãi là 723.640đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Buộc Công ty Cổ phần S1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Huỳnh Phát Đ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 043025 do Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh C) cấp ngày 06/11/2020 cho anh Huỳnh Phát Đ.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay về việc yêu cầu anh Đ thanh toán số tiền quản lý hồ sơ 328.927đ; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 416.583đ; phí bảo dưỡng và hao mòn khi thuê xe: 8.092.053đ; chi phí tố tụng: 1.435.191đ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Huỳnh Phát Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng. H lại cho công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001658 ngày 13 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Cà Mau.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 8 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã đóng dấu, ký tên)

Tạ Văn Cung